| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br>Bản án số: 184/2026/HNGĐ-ST<br>Ngày: 29 – 4 - 2026<br>"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con." | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Thu Thủy

2. Ông Lê Văn Công

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 147/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2026/QĐST– HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 , giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Từ Như N, sinh năm 2003; thường trú tại: Tổ D, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Tạ Hữu H, sinh năm 1989; thường trú tại: Nhơn Thọ A, xã N, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: Ô 17, lô D, khu Tái định cư H, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - bà Từ Như N trình bày:*

Bà Từ Như N và ông Tạ Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 55, cấp ngày 16/10/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông H ham chơi cờ bạc như đá gà gây nợ nần, nhiều lần bà N phải trả tiền nợ cho ông H, tháng 01/2025 vợ chồng gây gổ

bà N về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tạ Hữu H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Tạ Thanh Ngọc B, sinh ngày 02/11/2023. Khi xảy ra mâu thuẫn thì bà N đưa con về nhà mẹ ruột để sinh sống tuy nhiên ông H yêu cầu được nuôi con con bà N đã giao con cho ông H nuôi dưỡng. Nên sau khi ly hôn bà N đồng ý giao con chung cho ông Tạ Hữu H được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Giấy khai sinh con (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); căn cước công dân Từ Như Ngọc (bản sao chứng thực); giấy xác nhận cư trú Từ Như N (bản sao); bản tường trình và cam kết (bản chính).*

Ông Tạ Hữu H đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông H không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Từ Như N khởi kiện ông Tạ Hữu H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, ông Tạ Hữu H hiện đang tạm trú tại: Ô, lô D, khu Tái định cư H, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Tạ Hữu H theo đúng quy định tại các tại các Điều 177; Điều 208;

Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Tạ Hữu H không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông Tạ Hữu H trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do không hợp về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhiều lần triệu tập ông H tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông H vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà N xác định bà không còn tình cảm với ông H nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, các bên có 01 con chung là cháu Tạ Thanh Ngọc B, sinh ngày 02/11/2023. Bà N đồng ý giao con chung cho ông Tạ Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con của bà N là tự nguyện; hiện nay cháu B đang được gia đình ông H chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định từ thời điểm phát sinh mâu thuẫn đến nay. Để bảo đảm sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn trong đời sống của cháu, việc giao cháu Tạ Thanh Ngọc B cho ông Tạ Hữu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 tháng nên hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Từ Như N đối với bị đơn - ông Tạ Hữu H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Từ Như N được ly hôn với ông Tạ Hữu H.

- Về con chung: Ông Tạ Hữu H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Tạ Thanh Ngọc B, sinh ngày 02/11/2023.

- Về cấp dưỡng: Bà Từ Như N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Từ Như N phải nộp 600.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008855 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N phải nộp thêm 300.000 đồng.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV16 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc**